

Số/Number: 519 /TB-ĐLĐK

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025
Hanoi, ...31... March 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- *State Security Commission of Vietnam;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần
Name of organization: PetroVietnam Power Corporation - JSC

- Mã chứng khoán: POW

- *Stock code: POW*

- Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- *Address: Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City, Vietnam.*

- Điện thoại: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388

- *Phone: (024) 22210288 Fax: (024) 22210388*

- E-mail: quanhecodong@pvpower.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Internal content Information Disclosure:

- Giải trình một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2024 sau kiểm toán.

- *Give explanations for some indicators on the audited 2024 Financial Statement.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 31 /03/2025 tại đường dẫn <https://pvpower.vn>

This information was published on the Corporation's website on 31 March, 2025 at the link <https://pvpower.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the published information content.

Trân trọng./.

Yours sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
- HĐQT TCT (để b/c)/ *Board of Directors of the Corporation (for reporting);*
- TGD TCT (để b/c)/ *General Director of the Corporation (for reporting)/*
- Ban KS TCT (để b/c)/ *The Board of Supervisory of the Corporation (for reporting);*
- PTGD T.V.Phuong (để b/c)/ *Vice General Directors- T.V.Phuong (for reporting);*
- Lưu/ *Archived: VT, KTKH (NMT).*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Giải trình BCTC năm 2024 sau KT.
- *Give explanations for the audited 2024 Financial Statement.*

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
ON BEHALF OF THE GENERAL
DIRECTOR
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
AUTHORIZED REPRESENTATIVE FOR
INFORMATION DISCLOSURE
TRƯỞNG BAN KINH TẾ KẾ HOẠCH
DIRECTOR OF ECONOMICS
AND PLANNING DIVISION**



**Nguyễn Đình Thi
Nguyen Dinh Thi**

Phụ lục:
Appendix:

GIẢI TRÌNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 SAU KIỂM TOÁN

*EXPLANATION OF SOME INDICATORS
ON AUDITED FINANCIAL STATEMENTS FOR 2024*

1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
Không có

Profit after CIT differences in the reporting period is a loss, changing from profit in the same period last year to loss in this period and vice versa. None

2. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after auditing or reviewing, changing from loss to profit or vice versa:

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Mẹ Tổng công ty năm 2024 sau kiểm toán so với trước kiểm toán như bảng dưới đây:

The production and business performance of the Parent Company of the Corporation in 2024 after audit compared to before audit is as shown in the table below:

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Trước kiểm toán <i>Before audit</i>	Sau kiểm toán <i>After audit</i>	Chênh lệch Difference	
			Số tiền <i>Amount</i>	Tỷ lệ % <i>Rate</i>
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(5) (4)/(2)
Tổng Doanh thu, thu nhập <i>Total revenue, income</i>	24.774.665.472.175	24.769.337.823.720	- 5.327.648.455	- 0,02
Tổng Chi phí <i>Total Cost</i>	23.462.271.681.510	23.439.452.635.711	- 22.819.045.799	- 0,10
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	1.312.393.790.665	1.329.885.188.009	17.491.397.344	1,33
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	1.190.777.846.411	1.207.172.676.391	16.394.829.980	1,38

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2024 trước và sau kiểm toán Công ty Mẹ không phải giải trình.

It is not required to give explanations regarding The difference in after-tax profit in 2024 before and after auditing of the Parent Company.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất Tổng công ty năm 2024 sau kiểm toán so với trước kiểm toán như bảng dưới đây:

The production and business performance of the consolidated the Corporation in 2024 after audit compared to before audit is as shown in the table below:

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Trước kiểm toán <i>Before audit</i>	Sau kiểm toán <i>After audit</i>	Chênh lệch <i>Difference</i>	
			Số tiền <i>Amount</i>	Tỷ lệ % <i>Rate</i> %
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(5)= (4)/(2)
Tổng Doanh thu, thu nhập <i>Total revenue, income</i>	31.987.707.157.903	32.112.118.221.068	124.411.063.165	0,39
Tổng Chi phí <i>Total Cost</i>	30.470.710.661.243	30.728.877.054.441	258.166.393.198	0,85
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	1.516.996.496.660	1.383.241.166.627	- 133.755.330.033	- 8,82
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	1.345.939.426.134	1.211.341.955.166	- 134.597.470.968	- 10,00

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất Tổng công ty năm 2024 sau kiểm toán giảm 135 tỷ đồng, tương ứng giảm 10% so với trước kiểm toán. Việc thay đổi lợi nhuận sau thuế hợp nhất Tổng công ty năm 2024 sau kiểm toán so với trước kiểm toán chủ yếu do: Về phần tăng: (i) lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ tăng 18 tỷ đồng, (ii) lợi nhuận trước thuế của các Công ty con tăng 20 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tăng 13 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tăng 7 tỷ đồng), (iii) phần lãi trong Công ty liên kết tăng 41 tỷ đồng. Về phần giảm: (i) lợi nhuận trước thuế giảm 213 tỷ đồng do Tổng công ty sử dụng số liệu tại báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Nậm Chiến phát hành ngày 24/3/2025 để xác định lại giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm Nậm Chiến không còn được xác định là Công ty liên kết của Tổng công ty. (ii) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 sau kiểm toán tăng 0,84 tỷ đồng làm giảm khoản lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 sau kiểm toán tương ứng.

The Corporation's total consolidated profit after corporate income tax in 2024 after audit decreased by VND 135 billion, equivalent to a 10% decrease compared to before the audit. The change in the consolidated profit after tax of the Corporation in 2024 after audit compared to before audit is mainly due to: Regarding the increase: (i) Parent Company's pre-tax profit increased by VND 18 billion, (ii) Subsidiaries' pre-tax profit increased by VND 20 billion (Petrovietnam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company increased by VND 13 billion, Hua Na

Hydropower Joint Stock Company increased by VND 7 billion), (iii) profit in associated companies increased by VND 41 billion. Regarding the decrease: (i) Pre-tax profit decreased by VND 213 billion because the Corporation used data in Nam Chien's audited 2024 financial statements issued on March 24, 2025 to re-determine the book value of the investment at the time Nam Chien was no longer identified as an Associate Company of the Corporation. (ii) The audited corporate income tax expense in 2024 increased by VND 0.84 billion, reducing the corresponding audited profit after corporate income tax in 2024.

3. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The profit after CIT difference presented in the Income Statements of the reporting period that changes by 10% or more compared to the same period last year.

3.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Mẹ Tổng công ty năm 2024 so với năm 2023 như bảng dưới đây:

The production and business performance of the Parent Company of the Corporation in 2024 compared to 2023 as shown in the table below

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Trước kiểm toán <i>Before audit</i>	Sau kiểm toán <i>After audit</i>	Chênh lệch <i>Difference</i>	
			Số tiền <i>Amount</i>	Tỷ lệ % <i>Rate %</i>
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(5)= (4)/(2)
Tổng Doanh thu, thu nhập <i>Total revenue, income</i>	21.862.755.692.883	24.769.337.823.720	2.906.582.130.837	13,29
Tổng Chi phí <i>Total Cost</i>	20.567.604.071.852	23.439.452.635.711	2.871.848.563.859	13,96
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	1.295.151.621.031	1.329.885.188.009	34.733.566.978	2,68
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	1.200.089.996.302	1.207.172.676.391	7.082.680.089	0,59

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ năm 2024 so với năm 2023 không phải giải trình.

It is not required to give explanations regarding the difference in profit after corporate income tax of the parent company in 2024.

3.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2024 so với năm 2023 như bảng dưới đây:



The production and business performance of the consolidated of the Corporation in 2024 compared to 2023 as shown in the table below:

Chỉ tiêu <i>Items</i>	Trước kiểm toán <i>Before audit</i>	Sau kiểm toán <i>After audit</i>	Chênh lệch <i>Difference</i>	
			Số tiền <i>Amount</i>	Tỷ lệ % <i>Rate %</i>
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(5)= (4)/(2)
Tổng Doanh thu, thu nhập <i>Total revenue, income</i>	29.075.151.916.937	32.112.118.221.068	3.036.966.304.131	10,45
Tổng Chi phí <i>Total Cost</i>	27.633.083.882.623	30.728.877.054.441	3.095.793.171.818	11,20
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	1.442.068.034.314	1.383.241.166.627	- 58.826.867.687	- 4,08
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	1.282.942.141.418	1.211.341.955.166	- 71.600.186.252	- 5,58

Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp hợp nhất Tổng công ty năm 2024 so với năm 2023 không phải giải trình.

It is not required to give explanations regarding the difference in the consolidated profit after corporate income tax of the Corporation in 2024.